|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2020/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**DỰ THẢO 3**

**08.10.2020**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng**

**kho số viễn thông, tên miền internet**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của*[*Luật quản lý, sử dụng tài sản công*](http://luatvietnam.vn/tai-chinh/luat-15-2017-qh14-quoc-hoi-115523-d1.html#noidung)*;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet.*

**Chương I:**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định về đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet; chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông được phân bổ thông qua đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet.

2. Quyết định này áp dụng đối với doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông, tổ chức được phép sử dụng kho số viễn thông, người sử dụng dịch vụ viễn thông, tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài tham gia hoạt động trong lĩnh vực Internet và các tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông là* việc xác định doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được quyền sử dụng mã, số viễn thông thông qua việc đánh giá các điều kiện tham gia đấu giá và mức trả giá cao nhất của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá theo trình tự thủ tục đấu giá.

2. *Đấu giá quyền sử dụng tên miền Internet* là việc xác định tổ chức, cá nhân được quyền đăng ký sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" theo quy định pháp luật về đấu giá.

3. *Điều kiện tham gia đấu giá* là tập hợp các yêu cầu, điều kiện được áp dụng với từng cuộc đấu giá và được quy định cụ thể trong Quy chế đấu giá của cuộc đấu giá đó.

4. *Người tham gia đấu giá* là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện tham gia đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet theo quy định của Quyết định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. *Người trúng đấu giá* là người tham gia đấu giá có mức trả giá cao nhất so với giá khởi điểm hoặc bằng giá khởi điểm trong trường hợp không có người trả giá cao hơn giá khởi điểm khi đấu giá theo phương thức trả giá lên.

6. *Quy chế cuộc đấu giá* (sau đây gọi là Quy chế đấu giá) là tập hợp các thông tin, tài liệu liên quan đến đấu giá do Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Hội đồng đấu giá tài sản ban hành, làm cơ sở cho tổ chức, cá nhân lập Hồ sơ tham gia đấu giá.

*7. Hồ sơ tham gia đấu giá* là các tài liệu do tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá lập và nộp cho Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Hội đồng đấu giá theo yêu cầu quy định tại Quy chế cuộc đấu giá.

8. *Bản cam kết là* tài liệu trong Hồ sơ đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông được đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức ký tên, đóng dấu để cam kết thực hiện các yêu cầu tối thiểu; cam kết chấp hành hình thức và mức phạt khi không thực hiện các yêu cầu tối thiểu sau khi được phân bổ mã, số viễn thông.

9*. Tiền trúng đấu giá* là số tiền mà người trúng đấu giá phải nộp để được quyền sử dụng mã, số viễn thông hoặc số tiền mà người trúng đấu giá phải nộp để được quyền đăng ký sử dụng tên miền Internet. Tiền trúng đấu giá không bao gồm lệ phí phân bổ, phí sử dụng mã số viễn thông, lệ phí đăng ký, phí duy trì tên miền Internet.

10. *Chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông* là việc doanh nghiệp chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng mã, số viễn thông do trúng đấu giá cho doanh nghiệp khác hoặc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng mã, số viễn thông do trúng đấu giá cho tổ chức, cá nhân khác.

11. *Chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet* là việc tổ chức, cá nhân chuyển quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” của mình cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định luật pháp về chuyển nhượng tên miền.

12. *Số thuê bao viễn thông* được đấu giá là số quốc gia có nghĩa theo Quy hoạch kho số viễn thông bao gồm mã mạng và số thuê bao.

**Điều 3. Hình thức đấu giá và phương thức đấu giá**

1. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá được quy định trong Quy chế đấu giá và công bố công khai cho người tham gia đấu giá biết.

2. Phương thức đấu giá là phương thức trả giá lên.

**Điều 4. Tiền tham gia đấu giá, chi phí đấu giá**

1. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải nộp tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước theo quy định của pháp luật nhưng tối thiểu là năm phần trăm và tối đa là hai mươi phần trăm giá khởi điểm của tài sản đấu giá.

2. Thù lao dịch vụ đấu giá và chi phí đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 66 Luật Đấu giá tài sản và các quy định liên quan của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp các khoản thu theo quy định không đủ đáp ứng chi phí đấu giá:

a) Đối với cuộc đấu giá do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức: chi phí đấu giá được lấy từ kinh phí hoạt động thường xuyên của Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Đối với cuộc đấu giá do doanh nghiệp viễn thông tổ chức: chi phí đấu giá được lấy từ kinh phí hoạt động của doanh nghiệp viễn thông và được thanh toán theo quy định hiện hành.

**Điều 5. Quy trình xử lý tiền đặt trước**

1. Tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước trong đấu giá được thực hiện theo các quy định tại Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

2. Trường hợp trúng đấu giá:

a) Đối với cuộc đấu giá do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức: Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm chuyển khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) của người trúng đấu giá vào tài khoản chỉ định của Bộ Thông tin và Truyền thông trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá để đặt cọc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trúng đấu giá sau khi kết quả đấu giá được Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt. Tiền đặt trước sẽ được khấu trừ vào tiền trúng đấu giá;

b) Đối với cuộc đấu giá do doanh nghiệp viễn thông tổ chức:Tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm chuyển khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) của người trúng đấu giá vào tài khoản chỉ định của doanh nghiệp viễn thông trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá để đặt cọc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trúng đấu giá sau khi kết quả đấu giá được phê duyệt. Tiền đặt trước sẽ được khấu trừ vào tiền trúng đấu giá.

**Điều 6. Thông báo, niêm yết việc đấu giá**

Thông báo, niêm yết việc đấu giá thực hiện theo các quy định tại Điều 57, Điều 35 Luật Đấu giá tài sản.

**Điều 7. Lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản**

1. Đối với cuộc đấu giá do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức:

Sau khi Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch tổ chức đấu giá kho số viễn thông, tên miền Internet, cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá thuê Tổ chức đấu giá tài sản để tổ chức cuộc đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cuộc đấu giá do doanh nghiệp viễn thông tổ chức:

Sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt các mã, số viễn thông được đấu giá, doanh nghiệp viễn thông thuê Tổ chức đấu giá tài sản để tổ chức cuộc đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

3. Việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản được thực hiện theo Điều 56 Luật Đấu giá tài sản.

Trường hợp không lựa chọn được tổ chức đấu giá tài sản, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định thành lập Hội đồng đấu giá tài sản. Hội đồng đấu giá tài sản gồm 3 thành viên trở lên; Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc người được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ủy quyền; thành viên của Hội đồng là đại diện Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, đại diện doanh nghiệp có liên quan. Hội đồng đấu giá tài sản có thể ký hợp đồng với tổ chức đấu giá tài sản để cử đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá.

**Điều 8. Trình tự, thủ tục, đấu giá**

Việc đấu giá quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Chương III, Chương IV Luật Đấu giá tài sản.

**Điều 9. Quy chế đấu giá**

1. Đối với cuộc đấu giá do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức:

Cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định các nội dung về tiền đặt trước, hình thức đấu giá, giá khởi điểm (trong trường hợp công khai giá khởi điểm) trước khi thống nhất với Tổ chức đấu giá tài sản để đưa vào Quy chế đấu giá.

2. Đối với cuộc đấu giá do doanh nghiệp viễn thông tổ chức:

a) Doanh nghiệp viễn thông thống nhất với Tổ chức đấu giá tài sản về tiền đặt trước, hình thức đấu giá, giá khởi điểm (đã được Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt) để đưa vào Quy chế đấu giá.

b) Doanh nghiệp viễn thông cung cấp cho Tổ chức đấu giá tài sản các tài liệu giới thiệu về mã, số, khối số viễn thông được đấu giá; điều kiện tham gia đấu giá; mẫu văn bản đăng ký tham gia đấu giá; bước giá.

3. Quy chế đấu giá áp dụng cho từng cuộc đấu giá phải được ban hành trước ngày niêm yết việc đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 34 Luật Đấu giá tài sản.

**Điều 10. Trường hợp không tổ chức đấu giá**

Tổ chức đấu giá tài sản không tổ chức cuộc đấu giá và hoàn trả tiền đặt trước cho người tham gia đấu giá trong các trường hợp sau:

1. Trước ngày tổ chức cuộc đấu giá, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu dừng tổ chức cuộc đấu giá;

2. Tại cuộc đấu giá lần đầu tiên tính đến thời điểm hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, sau 02 lần thông báo mà vẫn không đủ từ 02 người đủ điều kiện tham gia đấu giá.

3. Trong trường hợp chỉ có 01 người đăng ký tham gia đấu giá, 01 người tham gia đấu giá, 01 người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm.

**Điều 11. Xử lý trường hợp đấu giá không thành**

1. Tổ chức đấu giá lại mã, số viễn thông, tên miền Internet trong các trường hợp sau:

a) Các trường hợp không tổ chức đấu giá quy định tại Điều 10 Quyết định này;

b) Không có người tham gia đấu giá nào nộp Hồ sơ tham gia đấu giá hoặc số lượng người nộp hồ sơ tham gia đấu giá hoặc số lượng người đủ điều kiện tham gia đấu giá hoặc số lượng người tham gia trả giá ít hơn hai;

c) Tất cả người trúng đấu giá bị hủy kết quả đấu giá hoặc tất cả người tham gia đấu giá trả giá thấp hơn giá khởi điểm;

d) Tên miền đã được đấu giá nhưng tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá; Tên miền đã được đấu giá nhưng tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không hoàn tất thủ tục đăng ký sử dụng tên miền theo quy định Tên miền đấu giá đã được đăng ký sử dụng nhưng chủ thể không tiếp tục nộp phí duy trì sử dụng khi tên miền hết hạn sử dụng theo quy định;

đ) Các trường hợp đấu giá không thành quy định tại điểm d, đ, e Điều 52 Luật Đấu giá tài sản.

2. Trường hợp tổ chức đấu giá lại đối với mã, số viễn thông quy định tại khoản 1 Điều này, nếu vẫn chưa xác định được người trúng đấu giá, cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá tài sản trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định việc giảm giá khởi điểm của mã, số viễn thông, tên miền Internet để đấu giá lại theo nguyên tắc mỗi lần giảm giá không quá 10% của giá khởi điểm của lần trước liền kề. Sau 02 (hai) lần tổ chức đấu giá lại vẫn chưa xác định được người trúng đấu giá thì không tổ chức đấu giá lại.Trong trường hợp này thì cơ quan được giao nhiệm vụ về đấu giá trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định đấu giá lại vào thời điểm phù hợp và xác định lại giá khởi điểm của mã, số viễn thông, tên miền Internet đấu giá không thành theo quy định tại Điều 15 của Quyết định này.

3. Trường hợp chỉ có một phần của mã, số viễn thông, tên miền Internet đấu giá không thành thì cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá tài sản trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định đấu giá lại vào thời điểm phù hợp và xác định lại giá khởi điểm với phần mã, số viễn thông, tên miền Internet đấu giá không thành theo quy định tại Điều 15 của Quyết định này.

4. Trình tự, thủ tục đấu giá lại được tiến hành như đấu giá lần đầu.

**Chương II:**

**ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG KHO SỐ VIỄN THÔNG, TÊN MIỀN INTERNET**

**Mục 1**

**QUY ĐỊNH CHUNG VỀ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG KHO SỐ VIỄN THÔNG, TÊN MIỀN INTERNET**

**Điều 12. Kho số viễn thông được đấu giá**

1. Kho số viễn thông được đấu giá quyền sử dụng là các mã, số viễn thông có cấu trúc đặc biệt nằm trong Quy hoạch kho số viễn thông có tiêu chí theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục kho số viễn thông được đấu giá theo từng thời kỳ căn cứ vào Quy hoạch kho số viễn thông và tình hình thực tế của thị trường viễn thông Việt Nam.

3. Kho số viễn thông được đấu giá được xem xét, lựa chọn từ:

a) Kho số viễn thông chưa phân bổ cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

b) Kho số viễn thông mà doanh nghiệp viễn thông đã được phân bổ nhưng chưa đưa vào sử dụng (chưa cấp cho người sử dụng qua giao kết hợp đồng); hoặc do doanh nghiệp viễn thông thu hồi từ chủ thuê bao viễn thông khi chủ thuê bao viễn thông vi phạm quy định trong giao kết hợp đồng đã ký với doanh nghiệp viễn thông hoặc vi phạm quy định của pháp luật; hoặc chủ thuê bao viễn thông hoàn trả lại cho doanh nghiệp viễn thông khi không còn nhu cầu sử dụng.

**Điều 13. Xác định tên miền Internet được phân bổ thông qua phương thức đấu giá**

1. Các tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được phân bổ thông qua phương thức đấu giá bao gồm:

a) Các tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” không dấu cấp 2 dùng riêng có 1 ký tự (là tên miền cấp 2 dưới “.vn” được lập nên từ 1 ký tự trong số 26 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh và 10 số tự nhiên từ 0 đến 9).

b) Các tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” không dấu cấp 2 dùng riêng có 2 ký tự (là tên miền cấp 2 dưới “.vn” được lập nên từ 2 ký tự trong số 26 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh và 10 số tự nhiên từ 0 đến 9).

c) Trừ các tên miền được bảo vệ theo quy định tại Điều 68 Luật Công nghệ Thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục tên miền Internet triển khai đấu giá theo từng thời kỳ căn cứ vào tình hình thực tế quản lý, đăng ký sử dụng tên miền Internet tại Việt Nam.

**Điều 14. Điều kiện được tham gia đấu giá mã, số viễn thông**

1. Điều kiện tham gia cuộc đấu giá do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

a) Doanh nghiệp, tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam, phải đáp ứng được yêu cầu về tài chính, kỹ thuật phù hợp đối với từng loại mã, số viễn thông được đấu giá theo quy hoạch và quy định về quản lý kho số viễn thông.

b) Phải cam kết triển khai việc đưa mã, số viễn thông vào khai thác, sử dụng tối thiểu 6 tháng sau khi trúng đấu giá;

c) Phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính có liên quan (nộp đầy đủ các khoản phí sử dụng kho số, tần số, nghĩa vụ công ích, phí quyền hoạt động viễn thông của doanh nghiệp, tổ chức) trước khi tham gia đấu giá (nếu có);

d) Có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông phù hợp với loại mã, số viễn thông được đấu giá; giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định của pháp luật về viễn thông.

2. Điều kiện tham gia cuộc đấu giá do doanh nghiệp viễn thông tổ chức: Tổ chức, cá nhân được tham cuộc đấu giá do doanh nghiệp viễn thông tổ chức khi có đủ năng lực pháp lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Xác định giá khởi điểm mã, số viễn thông, tên miền Internet**

1. Phương pháp xác định giá khởi điểm

a) Giá khởi điểm của mã, số viễn thông có cấu trúc đặc biệt được quy định tại khoản 1 Điều 12, tên miền Internet được quy định tại khoản 1 Điều 13 được xác định theo phương pháp so sánh và các phương pháp khác theo quy định của pháp luật về giá để xác định giá khởi điểm;

b) Trong trường hợp không xác định được giá khởi điểm bằng phương pháp quy định tại điểm a khoản này, giá khởi điểm của mã, số viễn thông, tên miền Internet được xác định theo công thức như sau:

Trong đó:

Gkđ là giá khởi điểm của mã, số viễn thông, tên miền Internet đơn vị tính là Việt Nam đồng;

GDPvn là chỉ số thu nhập bình quân đầu người danh định (GDP/capita) của Việt Nam tại thời điểm xác định giá khởi điểm, đơn vị tính là đô la Mỹ/người;

GDPi là chỉ số thu nhập bình quân đầu người danh định (GDP/capita) của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ tương ứng với mẫu thứ i tại thời điểm quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó công bố, đơn vị tính là đô la Mỹ/người;

Gđgi là giá trúng đấu giá tham khảo của quốc gia thứ i hoặc doanh nghiệp viễn thông trong nước thứ i (i=1 - N) của cùng loại số, cấu trúc số tại thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá khởi điểm;

N là số lượng quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức, doanh nghiệp viễn thông ở trong nước (N ≥ 3).

b1) Số liệu về giá trúng đấu giá thu thập từ quốc gia, vùng lãnh thổ để lấy số liệu so sánh phải đảm bảo số liệu này được thu thập trong thời gian 05 năm gần nhất so với thời điểm xác định giá khởi điểm.

Trường hợp không đáp ứng được đủ số liệu của 03 quốc gia hoặc vùng lãnh thổ thì có thể áp dụng số liệu tham khảo của một hoặc hai quốc gia, vùng lãnh thổ (N < 3).

b2) Thông tin về số tiền, số lượng mã, số viễn thông, tên miền Internet của quốc gia, vùng lãnh thổ được cung cấp bởi cơ quan quản lý nhà nước của quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức, doanh nghiệp viễn thông trong nước công bố; trường hợp không có được thông tin từ cơ quan quản lý nhà nước thì lấy từ nguồn trên website của các tổ chức quốc tế hoặc các nguồn tin chuyên ngành viễn thông, tài nguyên kho số viễn thông, tên miền Internet.

Số liệu về thu nhập bình quân đầu người danh định (GDP/capita) của các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ và của Việt Nam được lấy trên website chính thức của Ngân hàng thế giới (World Bank)

c) Giá khởi điểm của mã, số viễn thông, tên miền Internet xác định theo công thức quy định tại điểm b Điều này được áp dụng như sau:

c1) Nếu thấp hơn hoặc bằng phí sử dụng mã, số viễn thông trong 10 năm, phí duy trì sử dụng tên miền Internet trong 01 năm thì giá khởi điểm của mã, số viễn thông bằng 10 năm phí sử dụng; giá khởi điểm của tên miền Internet bằng 01 năm phí duy trì tên miền.

c2) Nếu cao hơn phí sử dụng mã, số viễn thông trong 10 năm, phí duy trì sử dụng tên miền Internet trong 01 năm thì áp dụng công thức quy định tại điểm b Điều này để xác định giá khởi điểm.

2. Quy trình xác định và phê duyệt giá khởi điểm

a) Bộ Thông tin và truyền thông giao cho cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá tài sản thuê các tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá do Bộ Tài chính công bố hàng năm xác định giá để làm căn cứ phê duyệt giá khởi điểm;

b) Trong trường hợp không lựa chọn được tổ chức thẩm định giá, cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá Nhà nước để xác định giá khởi điểm theo các quy định của pháp luật hiện hành về giá.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có kết quả thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá hoặc Hội đồng thẩm định giá Nhà nước, Cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt giá khởi điểm trước khi tổ chức đấu giá.

**Mục 2**

**ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI KHO SỐ VIỄN THÔNG DO BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 16. Kho số viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức đấu giá**

1. Kho số viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức đấu giá được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 12 Quyết định này nằm trong Danh mục kho số viễn thông được đấu giá.

2. Căn cứ Danh mục kho số viễn thông được đấu giá và hiện trạng phân bổ mã, số viễn thông, Cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá trình Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch tổ chức đấu giá kho số viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

**Điều 17. Hồ sơ tham gia đấu giá**

1. Người tham gia đấu giá nộp Hồ sơ tham gia đấu giá cho Tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại Quy chế đấu giá.

2. Hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

a) Đơn đăng ký tham gia đấu giá;

b) Tài liệu chứng minh đáp ứng đủ các điều kiện tham gia đấu giá quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định này.

c) Bản cam kết triển khai việc đưa mã, số viễn thông vào khai thác, sử dụng sau khi trúng đấu giá;

d) Tài liệu khác theo yêu cầu của Quy chế cuộc đấu giá.

3. Tổ chức đấu giá tài sản (hoặc Hội đồng đấu giá tài sản) phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá hồ sơ tham gia đấu giá theo nguyên tắc đảm bảo bí mật thông tin về người tham gia đấu giá, đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch của việc tổ chức đấu giá theo pháp luật về đấu giá tài sản và công khai danh sách người tham gia đấu giá đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định.

**Điều 18. Chuyển hồ sơ cuộc đấu giá**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Tổ chức đấu giá tài sản chuyển kết quả đấu giá, biên bản đấu giá, danh sách doanh nghiệp, tổ chức trúng đấu giá cho Cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá để trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kết quả đấu giá và hoàn thiện các thủ tục liên quan.

**Điều 19. Phê duyệt và công bố kết quả đấu giá**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt và công bố kết quả đấu giá trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Biên bản đấu giá được ký.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông hủy quyết định phê duyệt kết quả đấu giá đối với doanh nghiệp, tổ chức trúng đấu giá nhưng không nộp đủ số tiền trúng đấu giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Quyết định này. Mã, số viễn thông có kết quả đấu giá bị hủy được xử lý đấu giá lại theo quy định tại Điều 11 Quyết định này.

**Điều 20. Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền trúng đấu giá**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bộ Thông tin và Truyền thông công bố kết quả đấu giá. Người trúng đấu giá phải nộp toàn bộ số tiền trúng đấu giá sau khi đã trừ đi số tiền đặt trước vào tài khoản do Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định trong một lần.

2. Tiền trúng đấu giá không bao gồm lệ phí phân bổ và phí sử dụng kho số viễn thông.

3. Sau khi trừ chi phí đấu giá, tiền thu được từ đấu giá phải nộp vào ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng số tiền trúng đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

**Điều 21. Phân bổ và thu hồi mã, số viễn thông trúng đấu giá**

1. Sau khi đã nộp đủ tiền trúng đấu giá theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Quyết định này, người trúng đấu giá thực hiện các thủ tục đề nghị phân bổ mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông và các quy định tại Hồ sơ mời đấu giá để được phân bổ mã, số viễn thông trúng đấu giá.

2. Trường hợp bị thu hồi mã, số viễn thông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 50 Luật Viễn thông, người trúng đấu giá không được hoàn trả tiền trúng đấu giá và phí sử dụng kho số viễn thông đã nộp.

3. Trường hợp bị thu hồi mã, số viễn thông quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 50 Luật Viễn thông, người trúng đấu giá được bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Mục 3**

**ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI KHO SỐ VIỄN THÔNG DO DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 22: Kho số viễn thông do doanh nghiệp viễn thông tổ chức đấu giá**

1. Kho số viễn thông do doanh nghiệp viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông ủy quyền thực hiện tổ chức đấu giá thuộc Danh mục mã, số viễn thông được đấu giá quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 12 Quyết định này.

2. Định kỳ hàng quý, chậm nhất là ngày thứ 10 của của quý tiếp theo, doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm báo cáo số liệu về hiện trạng sử dụng kho số viễn thông thuộc Danh mục mã, số viễn thông do doanh nghiệp viễn thông tổ chức đấu giá bằng văn bản gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo mẫu tại phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Căn cứ Danh mục kho số viễn thông được đấu giá và hiện trạng khai thác, sử dụng kho số của mình, doanh nghiệp viễn thông có văn bản đăng ký mã, số viễn thông thực hiện đấu giá gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 23. Hồ sơ tham gia đấu giá**

1. Người tham gia đấu giá nộp Hồ sơ tham gia đấu giá cho Tổ chức đấu giá tài sản theo quy định tại Quy chế đấu giá.

2. Hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

a) Đơn đăng ký tham gia đấu giá;

b) Tài liệu khác theo yêu cầu của Hồ sơ mời đấu giá.

3. Tổ chức đấu giá tài sản đánh giá Hồ sơ tham gia đấu giá và công khai danh sách người tham gia đấu giá đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định.

**Điều 24. Chuyển hồ sơ cuộc đấu giá**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Tổ chức đấu giá tài sản chuyển kết quả đấu giá, biên bản đấu giá, danh sách tổ chức, cá nhân trúng đấu giá cho doanh nghiệp viễn thông để phê duyệt kết quả đấu giá và hoàn thiện các thủ tục liên quan.

**Điều 25. Phê duyệt và công bố kết quả đấu giá**

1. Doanh nghiệp viễn thông báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông kết quả đấu giá và công bố kết quả đấu giá trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Biên bản đấu giá được ký.

2. Doanh nghiệp viễn thông hủy quyết định phê duyệt kết quả đấu giá đối với tổ chức, cá nhân trúng đấu giá nhưng không nộp tiền trúng đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Quyết định này. Mã, số viễn thông có kết quả đấu giá bị hủy được xử lý đấu giá lại theo quy định tại Điều 11 Quyết định này.

**Điều 26. Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền trúng đấu giá**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày doanh nghiệp viễn thông công bố kết quả đấu giá, người trúng đấu giá phải nộp toàn bộ số tiền trúng đấu giá sau khi đã trừ đi số tiền đặt trước vào tài khoản do doanh nghiệp viễn thông chỉ định trong một lần.

2. Tiền trúng đấu giá không bao gồm giá cước hòa mạng, giá cước sử dụng dịch vụ viễn thông và các chi phí liên quan khác (nếu có).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền trúng đấu giá, doanh nghiệp phải nộp số tiền thu được từ đấu giá sau khi trừ đi chi phí đấu giá vào ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng số tiền trúng đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

**Điều 27. Cấp và thu hồi mã, số viễn thông trúng đấu giá**

1. Sau khi tổ chức, cá nhân nộp đủ số tiền trúng đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Quyết định này, doanh nghiệp viễn thông phải cấp mã, số viễn thông cho người trúng đấu giá thông qua hợp đồng cung cấp dịch vụ viễn thông.

2. Người trúng đấu giá bị thu hồi mã, số viễn thông khi vi phạm quy định trong giao kết hợp đồng đã ký với doanh nghiệp viễn thông hoặc vi phạm quy định của pháp luật.

3. Người trúng đấu giá bị thu hồi mã, số viễn thông theo quy định tại khoản 2 Điều này không được hoàn trả tiền trúng đấu giá và chi phí liên quan đã nộp.

**Mục 4**

**ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG TÊN MIỀN INTERNET**

**Điều 28. Hủy kết quả đấu giá**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông hủy quyết định phê duyệt kết quả đấu giá đối với tổ chức, cá nhân trúng đấu giá nhưng không nộp tiền trúng đấu giá theo quy định. Tên miền có kết quả đấu giá bị hủy được xử lý đấu giá lại theo quy định tại Điều 11 Quyết định này.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng đấu giá nhưng không hoàn tất thủ tục đăng ký sử dụng tên miền theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Quyết định này, Bộ Thông tin và Truyền thông hủy quyết định phê duyệt kết quả đấu giá đối với tổ chức, cá nhân; tên miền có kết quả đấu giá bị hủy được xử lý đấu giá lại theo quy định tại Điều 11 Quyết định này.

**Điều 29. Chuyển hồ sơ cuộc đấu giá**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Tổ chức đấu giá tài sản chuyển kết quả đấu giá, biên bản đấu giá, danh sách tổ chức, cá nhân trúng đấu giá cho Cơ quan được giao thực hiện một số nhiệm vụ về đấu giá để trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kết quả đấu giá và hoàn thiện các thủ tục liên quan.

**Điều 30. Phê duyệt kết quả đấu giá**

Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt và công bố kết quả đấu giá trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Biên bản đấu giá được ký.

**Điều 31. Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền trúng đấu giá và đăng ký sử dụng tên miền trúng đấu giá**

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết quả đấu giá được phê duyệt, Bộ thông tin và Truyền thông thông báo cho người trúng đấu giá nộp tiền trúng đấu giá.

2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp đủ số tiền trúng đấu giá sau khi trừ đi tiền đặt trước vào tài khoản do Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền trúng đấu giá. Tiền trúng đấu giá không bao gồm lệ phí đăng ký và phí sử dụng tên miền Internet.

3. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng tên miền Internet trúng đấu giá theo quy định về quản lý sử dụng tài nguyên Internet và nộp phí đăng ký sử dụng, phí duy trì tên miền Internet theo quy định của Bộ Tài chính trong thời hạn 15 ngày kể từ khi Bộ Thông tin và Truyền thông công bố kết quả đấu giá.

4. Trường hợp chủ thể không tiếp tục nộp phí duy trì sử dụng khi tên miền hết hạn sử dụng theo quy định, tên miền được đưa vào danh sách tên miền đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản, Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Tiền thu được từ đấu giá sau khi trừ các chi phí liên quan đến cuộc đấu giá, số còn lại nộp ngân sách nhà nước. Việc quản lý, sử dụng số tiền trúng đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan

**Chương III**

**CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG KHO SỐ VIỄN THÔNG, TÊN MIỀN INTERNET**

**Mục 1**

**CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG KHO SỐ VIÊN THÔNG ĐƯỢC BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG PHÂN BỔ QUA ĐẤU GIÁ**

**Điều 32. Điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ qua đấu giá**

Ngoài các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 49 của Luật Viễn thông, việc chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp, tổ chức được phân bổ mã, số, khối số viễn thông thông qua đấu giá được phép chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số, khối số này cho các doanh nghiệp, tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều này sau khi đã khai thác và sử dụng mã, số, khối số viễn thông trong thời gian ít nhất ba (03) năm kể từ ngày được cấp, phân bổ mã, số, khối số viễn thông. Trường hợp đặc biệt chưa đủ thời gian quy định như trên phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Đối tượng được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông là các doanh nghiệp, tổ chức đáp ứng yêu cầu tối thiểu quy định tại cuộc đấu giá mà doanh nghiệp chuyển nhượng tham gia.

**Điều 33. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ qua đấu giá**

1. Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ qua đấu giá được lập thành 01 (một) bộ, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng theo mẫu tại phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Bản thỏa thuận giữa doanh nghiệp, tổ chức chuyển nhượng và doanh nghiệp, tổ chức nhận chuyển nhượng về bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng;

c) Tài liệu chứng minh của doanh nghiệp, tổ chức nhận chuyển nhượng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu tại cuộc đấu giá mà doanh nghiệp, tổ chức chuyển nhượng đã tham gia; bản cam kết của doanh nghiệp, tổ chức nhận chuyển nhượng.

2. Thủ tục chuyển nhượng

a) Doanh nghiệp, tổ chức chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông được Bộ Thông tin và Truyền thông phân bổ qua đấu giá nộp hồ sơ chuyển nhượng trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính tại Bộ Thông tin và Truyền thông, địa chỉ: số 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội hoặc thông qua hình thức trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.vn>) hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (<http://dichvucong.mic.gov.vn)>.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét quyết định cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông và thông báo bằng văn bản cho các doanh nghiệp, tổ chức về việc cho phép chuyển nhượng.

Trường hợp không cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, tổ chức chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng biết và nêu rõ lý do từ chối.

c) Sau khi nhận được văn bản chấp thuận cho phép chuyển nhượng mã, số viễn thông, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng và làm thủ tục xin phân bổ mã, số viễn thông theo quy định.

d)Sau khi xác nhận việc doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông theo quy định của pháp luật về thuế, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ phân bổ mã, số viễn thông cho doanh nghiệp, tổ chức nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

**Mục 2**

**CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG KHO SỐ VIỄN THÔNG ĐƯỢC DOANH NGHIỆP VIỄN THÔNG CẤP CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN QUA ĐẤU GIÁ**

**Điều 34. Điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông được Doanh nghiệp viễn thông cấp cho tổ chức, cá nhân qua đấu giá**

1. Các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 49 của Luật Viễn thông.

2. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải hoàn thành nghĩa vụ đóng thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông.

**Điều 35. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông được Doanh nghiệp viễn thông cấp qua đấu giá**

1. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông thông qua đấu giá nộp hồ sơ chuyển nhượng trực tiếp tại điểm cung cấp dịch vụ viễn thông của Doanh nghiệp viễn thông đang quản lý mã, số viễn thông.

2. Hồ sơ chuyển nhượng được lập thành một bộ, bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng;

b) Hợp đồng sử dụng dịch vụ giữa Doanh nghiệp viễn thông và tổ chức, cá nhân chuyển nhượng.

3. Doanh nghiệp viễn thông kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của hồ sơ chuyển nhượng, xem xét mã, số viễn thông có đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và gửi yêu cầu về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Viễn thông) để duyệt chấp nhận yêu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông. Cục Viễn thông xem xét, quyết định trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp yêu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông được duyệt, doanh nghiệp viễn thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng biết trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo duyệt yêu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông từ Cục Viễn thông.

Trường hợp không cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông, Doanh nghiệp viễn thông thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng biết và nêu rõ lý do từ chối.

4. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận cho phép chuyển nhượng mã, số viễn thông, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng.

5. Trên cơ sở hồ sơ, chứng từ xác nhận việc tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông theo quy định của pháp luật về thuế, Doanh nghiệp viễn thông sẽ cấp mã, số viễn thông cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông, đồng thời thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Mục 3**

**CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG TÊN MIỀN INTERNET**

**Điều 36. Điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet**

Ngoài các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 49 của Luật Viễn thông, việc chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet quốc gia Việt Nam “.vn” và các tên miền Internet khác thuộc quyền quản lý của Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Không được phép chuyển nhượng tên miền Internet đối với:

a) Tên miền được ưu tiên bảo vệ, bao gồm tên miền là tên gọi của các tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và tên miền khác liên quan đến lợi ích, an ninh chủ quyền quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

b) Tên miền Internet đang xử lý vi phạm, đang trong quá trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại hoặc đang bị tạm ngừng sử dụng.

2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet phải làm thủ tục đăng ký lại tên miền Internet và nộp phí đăng ký, lệ phí duy trì tên miền theo quy định về đăng ký, sử dung tài nguyên Internet.

3. Quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet được thực hiện tại nhà đăng ký đang quản lý tên miền Internet đó.

4. Tên miền Internet đang trong quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng không được cấp cho các tổ chức, cá nhân khác ngoài các bên đang thực hiện việc chuyển nhượng.

5 Các bên tham gia chuyển nhượng tự chịu trách nhiệm nếu việc chuyển nhượng không thực hiện được do trong quá trình chuyển nhượng, tên miền Internet bị tạm ngừng hoặc thu hồi theo các quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Điều 37. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet**

1. Hồ sơ chuyển nhượng:

Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet được lập thành 01 (một) bộ gồm văn bản đề nghị chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng tên miền Internet theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 Quyết định này. Văn bản phải có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc chữ ký của cá nhân là chủ thể đang đứng tên đăng ký sử dụng tên miền Internet được chuyển nhượng; dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc chữ ký của cá nhân nhận chuyển nhượng tên miền.

2. Thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet

a) Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet nộp hồ sơ chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua đường bưu chính về Nhà đăng ký đang quản lý tên miền Internet đó;

b) Trường hợp tên miền được cấp quyền sử dụng không thông qua đấu giá, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền Internet xem xét điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet và thông báo bằng văn bản cho bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng về việc tên miền được chuyển nhượng;

c) Trường hợp tên miền được cấp quyền sử dụng thông qua đấu giá, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền xem xét điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet và gửi yêu cầu về Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị chấp nhận yêu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền. Trường hợp yêu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền được duyệt, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền thông báo bằng văn bản cho bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng về việc tên miền được chuyển nhượng trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo duyệt yêu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền từ Trung tâm Internet Việt Nam.

d) Trường hợp tên miền Internet không được phép chuyển nhượng quyền sử dụng, nhà đăng ký đang quản lý tên miền Internet thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin chuyển nhượng và nêu rõ lý do từ chối.

đ) Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của nhà đăng ký đang quản lý tên miền Internet được chuyển nhượng tên miền Internet, tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng;

e) Sau khi các bên hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng theo quy định, bên nhận chuyển nhượng phải hoàn tất các thủ tục đăng ký lại tên miền Internet tại nhà đăng ký đang quản lý tên miền Internet theo quy định đăng ký và sử dụng tài nguyên Internet;

g) Nhà đăng ký đang quản lý tên miền Internet thực hiện các thủ tục đăng ký lại tên miền Internet cho bên nhận chuyển nhượng, lưu giữ hồ sơ và thực hiện việc báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý trong trường hợp cần thiết.

3. Giao dịch chuyển nhượng bị coi là không hợp pháp trong trường hợp các bên tham gia quá trình chuyển nhượng không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet theo quy định của pháp luật về thuế; thực hiện chuyển nhượng không thông qua nhà đăng ký đang quản lý tên miền; có sự giả mạo về thông tin, hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền.

**Mục 4**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

**Điều 38. Trách nhiệm của bên chuyển nhượng**

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet có trách nhiệm sau:

1. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng.

2. Thực hiện nghĩa vụ về thuế đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet theo quy định.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông.

**Điều 39. Trách nhiệm của bên nhận chuyển nhượng**

Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet có trách nhiệm sau:

1. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng.

2. Thực hiện nghĩa vụ về thuế đối với hoạt động nhận chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet (nếu có) theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet theo quy định.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 40. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Quyết định số 38/2014/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 41. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: Văn thư, KTN (3b). | **KT. THỦ TƯỚNG PHÓ THỦ TƯỚNG**  **Vũ Đức Đam** |

# Phụ lục 1: Mã, số, khối số có cấu trúc đặc biệt

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-TTg ngày tháng năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet)*

**1. Số dịch vụ tin nhắn ngắn (SMS) có cấu trúc đặc biệt**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số dịch vụ tin nhắn ngắn (SMS)**  **độ dài 04 chữ số** | | **Số dịch vụ tin nhắn ngắn (SMS)**  **độ dài 05 chữ số** | |
| **Số/ Cấu trúc số** | **Ghi chú** | **Số** | **Ghi chú** |
| 1 | 1234 | A= 1, 5, 6, 7, 8, 9;  B=0-9; | 22222 |  |
| 2 | 5678 | 33333 |
| 3 | 6789 | 44444 |
| 4 | AAAA | 23456 |
| 5 | ABBB | 34567 |
| 6 | AABB | 45678 |
| 7 | ABAB |  |
| 8 | ABBA |  |

**2. Số thuê bao mạng viễn thông di động mặt đất H2H có cấu trúc đặc biệt**

| **TT** | **Cấu trúc số** | **Mô tả cấu trúc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | 0AAAAAAAAA | 9 chữ số giống nhau | A=3, 4, 5, 7, 8, 9 |
| 2 | 0AXXXXXXXX | 8 chữ số giống nhau | A=3, 4, 5, 7, 8, 9; X=1-9 |
| 3 | 0ABXXXXXXX | 7 chữ số giống nhau | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B=0-9; X=1-9 |
| 4 | 0ABCXXXXXX | 6 chữ số giống nhau | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B, X=0-9; C=1-9 |
| 5 | 0ABCDXXXXX | 5 chữ số giống nhau | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B, D, X=0-9; C=1-9 |
| 6 | 0ABCDEXXXX | 4 số cuối cùng giống nhau | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B, D, E, X=0-9; C=1-9 |
| 7 | 0ABCABCABC | 3 cặp 3 số | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B=0-9; C=1-9 |
| 8 | 0ABCDEFDEF | 2 cặp 3 số | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B, D, E, F=0-9; C=1-9 |
| 9 | 0ABCDEBCDE | 2 cặp 4 số | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B, D, E=0-9; C=1-9 |
| 10 | 0ABCBCBCBC | 4 cặp 2 số | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B=0-9; C=1-9 |
| 11 | 0ABCCCDDD | Nhóm 3 số lặp lại | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B, D=0-9; C=1-9 |
| 12 | 0ABBBBCCCC | Nhóm 4 số lặp lại | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B=0-9; C=1-9 |
| 13 | 0ABCDEE+1E+2E+3E+4 | 5 số tiến liên tiếp | A=3, 4, 5, 7, 8, 9;  B, D, E=0-9; C=1-9 |

**3. Mã mạng di động**

| **TT** | **Cấu trúc mã mạng** | **Mô tả cấu trúc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | 4A | 2 chữ số | A=2, 4, 6, 8, 9 |
| 2 | 5A | 2 chữ số | A=2, 4, 7 |
| 3 | 7A | 2 chữ số | A=2-5 |
| 4 | 9A | 2 chữ số | A=5 |

# Phụ lục 2: Mẫu Báo cáo

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-TTg ngày tháng năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/**  **TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
| Số:........................... |  | *..., ngày ... tháng ... năm...* |

**Báo cáo số liệu về hiện trạng sử dụng các mã, số viễn thông thuộc**

**Danh mục mã, số viễn thông do Doanh nghiệp viễn thông tổ chức đấu giá Quý…(\*)**

Kính gửi: Cục Viễn thông

Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản ...Điều .... Quyết định số ......./2020/QĐ-TTg ngày ..... tháng ..... năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, niêm yết giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet, *(tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp)* có trụ sở chính tại địa chỉ ..... báo cáo số liệu về hiện trạng sử dụng các mã, số viễn thông thuộc Danh mục mã, số viễn thông do Doanh nghiệp viễn thông tổ chức đấu giá *Quý ...* như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cấu trúc số(1)** | **Số lượng thuê bao đang hoạt động** | | | **Số lượng thuê bao bị khóa 2 chiều đang lưu giữ trên hệ thống(4)** | **Số lượng thuê bao không hoạt động** | | | |
| **Đang mở 2 chiều(2)** | **Đang bị khóa 1 chiều(3)** | **Tổng** | **Chưa cấp cho người sử dụng dịch vụ viễn thông** | **Thu hồi từ người sử dụng dịch vụ viễn thông(5)** | **Thuê bao hoàn trả lại(6)** | **Tổng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| . |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp**

*(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

*Ghi chú*:

*(1) Các hàng trong Bảng trên được sắp xếp theo Cấu trúc số trong Danh mục mã, số viễn thông do Doanh nghiệp viễn thông tổ chức đấu giá được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.*

*(2) Số lượng thuê bao đang mở 2 chiều: Là số lượng thuê bao (bao gồm cả thuê bao trả trước và thuê bao trả sau) đang được mở cả chiều đi và chiều đến.*

*(3) Số lượng thuê bao đang bị khóa 1 chiều: Là số lượng thuê bao (bao gồm cả thuê bao trả trước và thuê bao trả sau) đang bị khóa chiều đi nhưng chiều đến vẫn đang được mở.*

*(4) Số lượng thuê bao bị khóa 2 chiều đang lưu giữ trên hệ thống: Là số lượng thuê bao (bao gồm cả thuê bao trả trước và thuê bao trả sau) đang bị khóa cả chiều đi và chiều đến nhưng vẫn đang được lưu giữ trên hệ thống.*

*(5) Số lượng thuê bao Thu hồi từ người sử dụng dịch vụ viễn thông: Là số lượng thuê bao doanh nghiệp viễn thông thu hồi từ người sử dụng dịch vụ viễn thông (khi thuê bao viễn thông vi phạm quy định trong giao kết hợp đồng đã ký với doanh nghiệp viễn thông hoặc vi phạm quy định của pháp luật);*

*(6) Thuê bao hoàn trả lại: Là số lượng thuê bao mà người sử dụng dịch vụ viễn thông hoàn trả lại cho doanh nghiệp viễn thông khi không còn nhu cầu sử dụng.*

# Phụ lục 3: Mẫu đăng ký số thuê bao viễn thông đấu giá

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-TTg ngày tháng năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN/**  **TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
| Số:........................... |  | *..., ngày ... tháng ... năm...* |

**Bản đăng ký số thuê bao viễn thông thực hiện đấu giá**

Kính gửi: Cục Viễn thông

Thực hiện quy định tại Quyết định số ......./2020/QĐ-TTg ngày ..... tháng ..... năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet *(tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp)* có trụ sở chính tại địa chỉ ..... ..xin đăng ký mã, số viễn thông thực hiện đấu giá như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cấu trúc số(1)** | **Danh sách số thuê bao đấu giá(2)** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| ... |  |  |
| Tổng cộng**(3)** | |  |

**Đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp**

*(Ghi rõ họ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

*Ghi chú*:

*(1) Các hàng trong Bảng trên được sắp xếp theo Cấu trúc số trong Danh mục mã, số viễn thông do Doanh nghiệp viễn thông tổ chức đấu giá được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.*

*(2): Ghi cụ thể số thuê bao được đấu giá;*

*(3): Ghi số lượng số thuê bao được đấu giá*

# Phụ lục 4: Mẫu đề nghị chuyển nhượng mã số viễn thông

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-TTg ngày tháng năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet)*

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# *..., ngày ... tháng ... năm...*

**Văn bản đề nghị chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng**

**quyền sử dụng mã, số viễn thông**

Kính gửi: Cục Viễn thông *(trường hợp Bộ TT&TT tổ chức đấu giá)/*Tên doanh nghiệp viễn thông (*trường hợp doanh nghiệp viễn thông tổ chức đấu giá)*

Thực hiện quy định tại Quyết định số ......./2020/QĐ-TTg ngày ..... tháng ..... năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, niêm yết giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet, chúng tôi gồm có:

**1. Bên chuyển nhượng quyền sử sụng mã, số viễn thông**

a) Trường hợp là doanh nghiệp

**-** Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ trụ sở chính:............................Số điện thoại:...................Địa chỉ email:...............

- Người đại diện theo pháp luật:

- Mã số doanh nghiệp:

- Thông tin về Giấy phép kinh doanh viễn thông (nếu là doanh nghiệp viễn thông):

Số…………ngày cấp: …………ngày hết hạn: ………:.....................................................

b) Trường hợp là tổ chức:

**-**Tên tổ chức:

- Địa chỉ:................................Số điện thoại:....................Địa chỉ email:...............................

- Thông tin về Quyết định thành lập tổ chức:

Số:.........................ngày thành lập.........................

c) Trường hợp là cá nhân

- Họ và Tên:

- Số CMND/CCCD.:.........................Ngày cấp:..........................Nơi cấp:............................

- Địa chỉ liên hệ:..............................................Số điện thoại:.................................................

**2. Bên nhận chuyển nhượng quyền sử sụng mã, số viễn thông qua đấu giá:**

a) Trường hợp là doanh nghiệp :

**-** Tên doanh nghiệp:

- Địa chỉ trụ sở chính:............................Số điện thoại:...................Địa chỉ email:...............

- Người đại diện theo pháp luật:

- Mã số doanh nghiệp:

- Thông tin về Giấy phép kinh doanh viễn thông (nếu là doanh nghiệp viễn thông):

Số…………ngày cấp: …………ngày hết hạn: ………:.....................................................

b) Trường hợp là tổ chức

**-**Tên tổ chức:

- Địa chỉ:................................Số điện thoại:....................Địa chỉ email:...............................

- Thông tin về Quyết định thành lập tổ chức:

Số:.........................ngày thành lập.........................

c) Trường hợp là cá nhân

- Họ và Tên:

- Số CMND/CCCD.:.........................Ngày cấp:..........................Nơi cấp:............................

- Địa chỉ liên hệ:..............................................Số điện thoại:.................................................

**3. Mã, số viễn thông chuyển nhượng:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã, số viễn thông chuyển nhượng** | **Số tiền chuyển nhượng**  (Đơn vị: đồng) |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| ... |  |  |
|  |  | | |

**4. Tài liệu chuyển nhượng**

- Tài liệu chứng minh của bên nhận chuyển nhượng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu tại cuộc đấu giá mà bên chuyển nhượng đã tham gia; bản cam kết của bên nhận chuyển nhượng *(đối với trường hợp mã, số viễn thông do Bộ TT&TT tổ chức đấu giá)*.

- Hợp đồng sử dụng dịch vụ giữa Doanh nghiệp viễn thông và tổ chức, cá nhân chuyển nhượng *(đối với trường hợp mã, số viễn thông do doanh nghiệp viễn thông tổ chức dấu giá)*;

- Tài liệu liên quan khác (nếu có).

**5. Điều khoản cam kết**

Các bên tham gia chuyển nhượng và nhận chuyển nhượngchịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và cam kết thực hiện nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông và pháp luật liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bên chuyển nhượng**  *(Cá nhân ký ghi rõ họ tên; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức ký ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)* | **Bên nhận chuyển nhượng**  *(Cá nhân ký ghi rõ họ tên; người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệ/tổ chức ký ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)* |

**Phụ lục 5: Mẫu văn bản đề nghị chuyển nhượng tên miền Internet** *.*

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-TTg ngày tháng năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền Internet)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG TÊN MIỀN INTERNET**

Kính gửi: *…..(tên Nhà đăng ký)*…..

Chúng tôi (bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet) đã thống nhất và đề nghị Nhà đăng ký .............................................. thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet theo các thông tin dưới đây:

1. Tên miền Internet đề nghị chuyển nhượng quyền sử dụng: …………………………………………………………………………………..

- Ngày đăng ký: ……………………………………………………………….

- Ngày hết hạn: ………………………………………………………………

- Nhà đăng ký quản lý: ………………………………………………………

2. Bên chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet (Chủ thể tên miền)

a) Trường hợp là tổ chức:

- Tên tổ chức:…………………………………………………………………..

- Tên giao dịch viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): …………………………

- Mã số doanh nghiệp: ……………………………………………………….

- Địa chỉ: ………………………………………………………………………

- Số điện thoại: …………………

- Địa chỉ email: …………………………….

- Họ tên người đại diện theo pháp luật………………..…Chức vụ:…………..

- Thông tin của người được ủy quyền thay mặt tổ chức, doanh nghiệp làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet:

\* Họ và tên: .............................................................................................

\* Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/ Số hộ chiếu: …………..

b) Trường hợp là cá nhân:

- Họ và tên:…………………………

- Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/ Số hộ chiếu: ……………….

- Địa chỉ: ………………………………………………………………………

- Số điện thoại: …………………

- Địa chỉ email: …………………………….

3. Bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet:

a) Trường hợp là tổ chức:

- Tên tổ chức:…………………………………………………………………..

- Tên giao dịch viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): …………………………

- Mã số doanh nghiệp: ………………………………………………………..

- Địa chỉ: ………………………………………………………………………

- Số điện thoại: …………………

- Địa chỉ email: …………………………….

- Họ tên người đại diện theo pháp luật………………..…Chức vụ:…………..

- Thông tin của người được ủy quyền thay mặt tổ chức, doanh nghiệp làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet:

\* Họ và tên: .............................................................................................

\* Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/ Số hộ chiếu: …….……..

b) Trường hợp là cá nhân:

- Họ và tên:…………………………

- Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/ Số hộ chiếu: ……………….

- Địa chỉ: ………………………………………………………………………

- Số điện thoại: …………………

- Địa chỉ email: …………………………….

4. Số tiền chuyển nhượng: …………………………………………………………….

5. Cam kết

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và cam kết:

- Tên miền Internet chuyển nhượng quyền sử dụng đang hoạt động bình thường, không có tranh chấp, đủ điều kiện được thực hiện chuyển quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền Internet đúng đối tượng được đăng ký tên miền chuyển nhượng.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của các bên tham gia chuyển nhượng theo quy định của pháp luật .

Trân trọng cảm ơn./.

............, ngày ….. tháng …… năm …..........

|  |  |
| --- | --- |
| **Bên chuyển nhượng**  *(cá nhân ký ghi rõ họ tên; người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu nếu là tổ chức)* | **Bên nhận chuyển nhượng**  *(cá nhân ký ghi rõ họ tên; người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu nếu là tổ chức)* |